

Số: 122 /TTr-UBND

Sông Công, ngày 15 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025
thành phố Sông Công

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND thành phố Sông Công: số 85/NQ-HĐND ngày 17/12/2024 về Kế hoạch đầu tư công năm 2025 thành phố Sông Công; số 04/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của HĐND thành phố Sông Công về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (Đợt 1); số 06/NQ-HĐND ngày 20/3/2025 về việc bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thành phố Sông Công; số 11/NQ-HĐND ngày 28/3/2025 về việc bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thành phố Sông Công;

UBND thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố Sông Công khoá VIII, Kỳ họp thứ 28 (kỳ họp chuyên đề) về phương án điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 thành phố Sông Công như sau:

1. Nguồn vốn cấp quyền sử dụng đất

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đã bố trí cho các nhiệm vụ, dự án với số tiền là 12.156 triệu đồng, cụ thể:

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đã bố trí cho 06 nhiệm vụ quy hoạch với số tiền là 3.130 triệu đồng.

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đã bố trí cho dự án Cải tạo, nâng cấp đường CMT8, thành phố Sông Công với số tiền là 418 triệu đồng do Đội Thuê Khu vực Sông Công - Đại Từ điều chỉnh nguồn thu tiền sử dụng đất sang nguồn thu khác.

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đã bố trí cho dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1): 8.608 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn thực hiện các dự án số tiền là 11.738 triệu đồng, cụ thể:

+ Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Đường nội thị thị xã Sông Công đoạn từ đường CMT8 đến ĐT 262 hoàn trả tạm ứng kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng: 608 triệu đồng.

+ Bổ sung kế hoạch vốn cho 02 nhiệm vụ quy hoạch với số tiền là 396 triệu đồng.

+ Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Đường Thăng Lợi kéo dài, thành phố Sông Công: 8.000 triệu đồng.

+ Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thăng Lợi) - (nằm trong quy hoạch khu trung tâm hành chính Sông Công) - Khu B: 1.928 triệu đồng.

+ Bổ sung kế hoạch vốn thực hiện công tác BTGPMB đối với dự án Cơ sở làm việc Công an phường Bách Quang và Lương Sơn thuộc Công an thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên: 806 triệu đồng.

2. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác từ nguồn tăng thu thuế, phí năm 2024

Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Cải tạo, nâng cấp đường CMT8, thành phố Sông Công với số tiền là 418 triệu đồng do Đội Thuế Khu vực Sông Công - Đại Từ điều chỉnh nguồn thu tiền sử dụng đất sang nguồn thu khác.

3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác từ nguồn vốn kết dư ngân sách năm 2024

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đã bố trí cho các nhiệm vụ quy hoạch không còn nhu cầu vốn với số tiền là 1.099 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thăng Lợi) - (nằm trong quy hoạch khu trung tâm hành chính Sông Công) -Khu B: 1.099 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Trên đây là điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 thành phố Sông Công./.

Nơi nhận

- Thường trực Thành ủy;
 - Thường trực HĐND thành phố;
 - Lãnh đạo UBND thành phố;
 - Các đại biểu HĐND thành phố;
 - Các phòng, ban, ngành của thành phố;
 - TT HĐND, UBND các xã, phường;
 - Lưu: VT.
- Tramnn.BC.....b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Duy Nghĩa

Phụ lục: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 122/TT-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của UBND thành phố Sông Công)

| TT | Danh mục dự án | Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công và hoàn thành | Quyết định phê duyệt đầu tư/quyết toán | | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước | Kế hoạch đầu tư công năm 2025 | | | | Ghi chú |
|----|---|-----------------------------------|---|-----------------------------------|--|-----------------|--|--|--|-----------------|-----------------|--|---------|
| | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng số | | | Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đã phân bổ | Điều chỉnh tăng | Điều chỉnh giảm | Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh | |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | 532.203.929.326 | 216.761.958.873 | 245.264.070.000 | 13.254.766.800 | 13.254.766.800 | 245.264.070.000 | |
| A | Vốn cấp quyền sử dụng đất | | | | | | 361.007.462.483 | 210.476.738.336 | 194.289.414.000 | 11.738.210.000 | 12.156.090.800 | 193.871.533.200 | |
| * | Hoàn trả tạm ứng kinh phí BTGPMB | | | | | | 11.499.120.314 | 10.891.120.314 | 0 | 608.000.000 | 0 | 608.000.000 | |
| 1 | Đường nội thị thị xã Sông Công đoạn từ đường CMT8 đến ĐT 262 | | | | | | 11.499.120.314 | 10.891.120.314 | | 608.000.000 | | 608.000.000 | |
| * | Nhiệm vụ quy hoạch | | | | | | 11.058.860.417 | 7.399.541.026 | 6.289.414.000 | 395.881.000 | 3.130.210.000 | 3.555.085.000 | - |
| 2 | Quy hoạch phân khu Khu vực đô thị Bá Xuyên, thành phố Sông Công | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Xã Bá Xuyên | 2021 - 2023 | 2139-14/9/2021 | 1.919.030.792 | 1.730.657.662 | 1.730.657.662 | 41.194.000 | | 41.194.000 | - | |
| 3 | Quy hoạch chi tiết Khu đô thị sinh thái thể thao Hồ Ghềnh Chè | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Xã Bình Sơn | 2022 - 2023 | 2201 - 06/9/2022 | 6.415.326.298 | 3.450.000.000 | 3.450.000.000 | 2.521.970.000 | | 2.521.970.000 | - | |
| 4 | Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Quốc lộ 37, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Phường Lương Sơn | 2022 - 2023 | 153 - 14/01/2022 | 701.440.625 | 540.722.000 | 379.673.000 | 315.049.000 | | 154.000.000 | 161.049.000 | |
| 5 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở số 4, phường Phố Cò, thành phố Sông Công | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Phường Phố Cò | 2022 - 2023 | 1353 - 26/5/2022 | 1.063.724.000 | 473.674.755 | 291.793.755 | | 181.881.000 | | 181.881.000 | |
| 6 | Quy hoạch chi tiết Công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng, xã Tân Quang và xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Xã Tân Quang và xã Bá Xuyên | 2022 - 2023 | 2366 - 30/9/2022; 1764 - 25/9/2023 | 685.655.000 | 578.655.000 | 261.000.000 | 399.701.000 | | 82.046.000 | 317.655.000 | |
| 7 | Quy hoạch chi tiết Nghĩa trang xã Bá xuyên, xã Tân Quang, thành phố Sông Công | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Xã Tân Quang và xã Bá Xuyên | 2022 - 2025 | 3059 - 14/12/2022 | 1.389.783.335 | 1.218.000.000 | 900.044.529 | | 214.000.000 | | 214.000.000 | |
| 8 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị số 1, phường Bách Quang, thành phố Sông Công | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Phường Bách Quang | 2024-2026 | 465 - 22/3/2024 | 1.223.055.401 | 1.069.500.000 | | 1.221.500.000 | | 152.000.000 | 1.069.500.000 | |
| 9 | Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 5, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Phường Châu Sơn | 2023-2025 | 2178-23/11/2023 | 1.997.651.000 | 1.997.651.000 | 386.372.080 | 1.790.000.000 | - | 179.000.000 | 1.611.000.000 | |
| * | Dự án chuyển tiếp | | | | | | 337.643.349.459 | 192.186.076.996 | 188.000.000.000 | 9.928.196.707 | 9.025.880.800 | 188.902.315.907 | |
| 10 | Đường Thăng Lợi kéo dài thành phố Sông Công | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | Phường Bách Quang, Thăng Lợi, Mỏ Chè, Cài Đạn | 2016-2025 | 413-29/02/2016; 3480-28/11/2017 | 208.752.460.781 | 9.609.349.459 | 183.168.882.678 | | 8.000.000.000 | | 8.000.000.000 | |
| 11 | Cải tạo, nâng cấp đường CMT8, thành phố Sông Công | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | Thành phố Sông Công | 2022-2025 | 12/03/1/2024 | 95.000.000.000 | 75.000.000.000 | 8.065.676.726 | 50.000.000.000 | | 417.880.800 | 49.582.119.200 | |
| 12 | Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thăng Lợi) - (nằm trong QH khu trung tâm hành chính Sông Công) - Khu B | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | Phường Thăng Lợi, phường Phố Cò | 2022-2025 | NQ61 - 26/12/2022; NQ 33 - 12/10/2023 | 170.000.000.000 | 85.034.000.000 | 951.517.592 | 48.000.000.000 | 1.928.196.707 | | 49.928.196.707 | |
| 13 | Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1) | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | Xã Bình Sơn | 2022-2025 | 848-31/3/2022 | 188.000.000.000 | 168.000.000.000 | | 90.000.000.000 | | 8.608.000.000 | 81.392.000.000 | |
| * | Dự án đối ứng chi phí bồi thường GPMB | | | | | | 806.132.293 | 0 | 0 | 806.132.293 | 0 | 806.132.293 | |
| 14 | Cơ sở làm việc Công an phường Bách Quang và Lương Sơn thuộc Công an thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên | Công an tỉnh Thái Nguyên | Phường Bách Quang, phường Lương Sơn | 2024-2025 | 2738/QĐ-CAT-PHC | 16.800.000.000 | 806.132.293 | - | - | 806.132.293 | | 806.132.293 | |

| TT | Danh mục dự án | Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công và hoàn thành | Quyết định phê duyệt đầu tư/quyết toán | | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước | Kế hoạch đầu tư công năm 2025 | | | | Ghi chú |
|----|---|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|--|-----------------|--|--|--|-----------------|-----------------|--|---------|
| | | | | | Số, ngày, tháng, năm | Tổng số | | | Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đã phân bổ | Điều chỉnh tăng | Điều chỉnh giảm | Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| B | Vốn đầu tư XDCB khác (Từ nguồn tăng thu thuế, phí năm 2024) | | | | | | 75.000.000.000 | 0 | 15.000.000.000 | 417.880.800 | 0 | 15.417.880.800 | |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp đường CMT8, thành phố Sông Công | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | Thành phố Sông Công | 2022-2025 | 12/03/1/2024 | 95.000.000.000 | 75.000.000.000 | | 15.000.000.000 | 417.880.800 | | 15.417.880.800 | |
| C | Vốn đầu tư XDCB khác (Từ nguồn vốn kết dư ngân sách năm 2024) | | | | | | 96.196.466.843 | 6.285.220.537 | 35.974.656.000 | 1.098.676.000 | 1.098.676.000 | 35.974.656.000 | - |
| * | Nhiệm vụ quy hoạch | | | | | | 11.162.466.843 | 5.333.702.945 | 2.918.174.000 | 0 | 1.098.676.000 | 1.819.498.000 | - |
| 1 | Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Phường Phố Cò | 2020 - 2022 | 211-18/2/2020 | 370.668.000 | 365.000.000 | 281.724.739 | 83.275.000 | | 83.275.000 | - | |
| 2 | Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Phường Lương Sơn | 2020 - 2022 | 210-18/2/2020 | 2.100.513.000 | 2.026.000.000 | 1.842.967.190 | 183.032.000 | | 183.032.000 | - | |
| 3 | Quy hoạch chi tiết Khu đô thị sinh thái thể thao Hồ Ghềnh Chè | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Xã Bình Sơn | 2022 - 2023 | 2201 - 06/9/2022 | 6.415.326.298 | 3.450.000.000 | | 73.030.000 | | 73.030.000 | - | |
| 4 | Quy hoạch chi tiết Khu nhà ở số 4 Bá Xuyên, thành phố Sông Công | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Xã Bá Xuyên | 2022 - 2025 | 1338 - 25/5/2022 | 1.195.037.573 | 1.024.890.206 | 1.024.890.206 | 117.109.000 | | 117.109.000 | - | |
| 5 | Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 2 Lương Sơn, thành phố Sông Công | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Phường Lương Sơn | 2022 - 2024 | 3361 - 06/12/2021 | 1.240.274.075 | 1.091.000.000 | 937.999.492 | 330.698.000 | | 153.000.000 | 177.698.000 | |
| 6 | Quy hoạch chi tiết Công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng, xã Tân Quang và xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Xã Tân Quang và xã Bá Xuyên | 2022 - 2023 | 2366 - 30/9/2022; 1764 - 25/9/2023 | 685.655.000 | 578.655.000 | 261.000.000 | 24.954.000 | | 24.954.000 | - | |
| 7 | Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết khu Nghĩa trang Cải Đan, phường Cải Đan, thành phố Sông Công | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Phường Cải Đan | 2022 - 2023 | 2746 - 08/11/2022 | 739.164.943 | 661.000.000 | 520.380.681 | 218.619.000 | | 78.000.000 | 140.619.000 | |
| 8 | Quy hoạch chi tiết khu dân cư và khu tái định cư số 5 Bá Xuyên, thành phố Sông Công | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Xã Bá Xuyên | 2023-2025 | 1714-14/9/2023 | 574.065.000 | 486.999.346 | 380.516.346 | 193.483.000 | | 87.000.000 | 106.483.000 | |
| 9 | Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Mỏ Chè | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Phường Mỏ Chè | 2024-2025 | 850-28/5/2024 | 108.501.307 | 84.224.291 | 84.224.291 | 24.276.000 | | 24.276.000 | - | |
| 10 | Lập quy hoạch tổng mặt bằng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Mỏ Chè | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Phường Mỏ Chè | 2024-2025 | 2385-06/12/2024 | 72.698.424 | 55.698.000 | | 72.698.000 | | 17.000.000 | 55.698.000 | |
| 11 | Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn Khu dân cư di dân lòng hồ Ghềnh Chè, xã Bình Sơn, thành phố Sông Công. | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Xã Bình Sơn | 2024-2026 | 880-30/5/2024 | 153.653.672 | 125.000.000 | | 153.000.000 | | 28.000.000 | 125.000.000 | |
| 12 | Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 phường cải đan, thành phố sông công, tỉnh thái nguyên | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Phường Cải Đan | 2025-2027 | 502-18/3/2025 | 581.659.690 | 469.000.000 | | 581.000.000 | | 112.000.000 | 469.000.000 | |
| 13 | Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu dân cư đường Thống Nhất, phường Cải Đan, thành phố Sông Công | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị | Phường Cải Đan | 2025-2027 | 501-18/3/2025 | 863.821.360 | 745.000.000 | | 863.000.000 | | 118.000.000 | 745.000.000 | |
| * | Dự án chuyển tiếp | | | | | | 85.034.000.000 | 951.517.592 | 33.056.482.000 | 1.098.676.000 | - | 34.155.158.000 | |
| 14 | Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thăng Lợi) - (nằm trong QH khu trung tâm hành chính Sông Công) - Khu B | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | Phường Thăng Lợi, phường Phố Cò | 2022-2025 | NQ61 - 26/12/2022; NQ 33 - 12/10/2023 | 170.000.000.000 | 85.034.000.000 | 951.517.592 | 33.056.482.000 | 1.098.676.000 | | 34.155.158.000 | |

Số: /NQ-HĐND

Sông Công, ngày tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 thành phố Sông Công

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ 28 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND thành phố Sông Công: số 85/NQ-HĐND ngày 17/12/2024 về Kế hoạch đầu tư công năm 2025 thành phố Sông Công; số 04/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của HĐND thành phố Sông Công về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (Đợt 1); số 06/NQ-HĐND ngày 20/3/2025 về việc bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thành phố Sông Công; số 11/NQ-HĐND ngày 28/3/2025 về việc bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thành phố Sông Công;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /5/2025 của UBND thành phố về việc đề nghị bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 thành phố Sông Công; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 thành phố Sông Công như sau:

1. Nguồn vốn cấp quyền sử dụng đất
 - Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đã bố trí cho 08 nhiệm vụ, dự án: 12.156 triệu đồng
 - Bổ sung kế hoạch vốn thực hiện các dự án 11.738 triệu đồng.
2. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác từ nguồn tăng thu thuế, phí năm 2024: Bổ sung kế hoạch vốn cho 01 dự án: 418 triệu đồng.

3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác từ nguồn vốn kết dư ngân sách năm 2024

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đối với 13 nhiệm vụ quy hoạch: 1.099 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho 01 dự án: 1.099 triệu đồng.

(Có Phụ lục chi tiết gửi kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Sông Công khoá VIII, Kỳ họp thứ 28 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày tháng 5 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Các đại biểu HĐND thành phố;
- Các phòng, ban, ngành của thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.
THVP.Luyenlt

Phạm Thị Mai Khanh